

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 350/2017/DS-ST

Ngày: 28/12/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **TRƯƠNG THỊ TUYẾT LINH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **PHẠM THÀNH TRẠI**

2/ Bà: **NGUYỄN THỊ MỸ LỆ**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông **TRẦN VĂN NHƠN** – Cán bộ
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11
năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 146/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Văng Chí D** ; Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Ấp MH, xã ML, huyện CL - Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Thị T** ; Sinh năm: 1965

Địa chỉ: 152, tổ 12, ấp PL, xã PP, huyện CT - Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2017 và trong biên bản hòa giải ngày
27/11/2017 anh Văn Chí D trình bày:

Do chỗ quen biết nên anh có cho bà Nguyễn Thị T mượn tiền làm nhiều lần,
cụ thể như sau:

- Ngày 12/6/2015, anh cho bà T mượn 20.000.000đồng.
- Ngày 17/02/2017, anh cho bà T mượn 11.200.000đồng.
- Ngày 12/6/2017, anh cho bà T mượn 6.120.000đồng .
- Ngày 20/7/2017, anh cho bà T mượn 3.700.000đồng.
- Ngày 18/8/2017, anh cho bà T mượn 4.080.000đồng.
- Ngày 21/9/2017, anh cho bà T mượn 4.500.000đồng.
- Ngày 14/10/2017, anh cho bà T mượn 4.960.000đồng.

Tổng cộng anh cho bà T mượn số tiền là 54.560.000đồng, khi mượn bà T
có viết và ký tên vào biên nhận, hai bên thỏa thuận khi nào anh cần tiền thì bà T

trả lại. Từ ngày 15/10/2017 cho đến nay anh đã nhiều lần yêu cầu bà T trả số tiền nợ nói trên nhưng bà T không trả. Nay anh yêu cầu bà T trả một lần số tiền 54.560.000đồng làm một lần trong thời gian 02 tháng kể từ ngày xét xử.

Trong bản khai ngày 20/11/2017 và trong biên bản hòa giải ngày 27/11/2017 cũng như tại Tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 20/6/2015, chị có vay của anh D số tiền là 10.000.000đồng, lãi suất 10%/tháng, đóng lãi mỗi tháng là 1.000.000đồng. Ngày 26/6/2015 chị vay tiếp của anh D số tiền là 10.000.000đồng cũng với lãi suất 10%/tháng. Tổng cộng hai lần chị vay của anh D số tiền là 20.000.000đồng, chị đã đóng lãi số tiền này đến tháng 11/2016 thì ngưng.

Từ ngày 10/11/2016 do không tiền trả lãi nên chị nợ anh D 2.000.000đồng tiền lãi và 2.000.000đồng tiền hui, tổng cộng là 4.000.000đồng, tiền lãi của số tiền này là 400.000đồng thành 4.400.000đồng.

Ngày 10/12/2016, anh D lại tiếp tục tính tiền lãi và tiền hui là 4.000.000đồng và tiền lãi của số tiền này là 400.000đồng thành 4.400.000đồng. Ngày 10/02/2017 chị nợ tiếp số tiền lãi là 2.000.000đồng. Biên nhận với số tiền 11.200.000đồng là tiền hui và tiền lãi anh D bắt buộc chị ký chứ không phải tiền vay.

Ngày 17/5//2017, chị có trả cho anh D 10.000.000đồng nên anh D xóa cho chị một biên nhận tiền lãi ngày 25/4/2017. Tổng cộng chị nợ anh D là 20.000.000đồng tiền vốn và 8.000.000đồng tiền hui thành 28.000.000đồng. Nay chị đồng ý trả cho anh D số tiền 54.560.000đồng nhưng xin trả dần làm 03 lần trong thời gian 08 tháng kể từ ngày Tòa án hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Trong vụ án này anh Văn Chí D và chị Nguyễn Thị T trình bày không thống nhất nhau, theo anh D ngày 12/6/2015 chị T có vay của anh số tiền là 20.000.000đồng, tiếp đến từ ngày 17/02/2017 đến ngày 14/10/2017 anh cho chị T vay nhiều lần với tổng số tiền là 34.560.000đồng. Tổng số tiền chị T đã vay của anh là 54.560.000đồng, các lần vay đều có làm biên nhận và không tính lãi. Theo chị T trình bày, vào ngày 12 và ngày 26/6/2015 chị có vay của anh D hai lần với tổng số tiền là 20.000.000đồng, lãi suất là 10%/tháng chị trả lãi đến tháng 11/2016 thì ngưng. Tháng 11 và tháng 12 năm 2016 do không tiền trả lãi nên anh D tính lãi mỗi tháng 2.000.000đồng cộng với tiền hui chị thiếu mỗi tháng 2.000.000đồng thành 4.000.000đồng, anh D tính lãi 400.000đồng thành số tiền là 4.400.000đồng và tiếp tục tháng 02/2017 chị nợ 2.000.000đồng tiền lãi. Biên nhận 11.200.000đồng là tiền lãi và tiền hui không phải tiền vay nhưng anh D không thừa nhận. Hội đồng xét xử nhận thấy trong các biên nhận chị T ký nhận nợ với anh D không có biên nhận nào thể hiện số tiền là 4.400.000đồng và biên nhận với số tiền 11.200.000đồng cũng không thể hiện là tiền lãi và tiền hui như chị T trình bày, ngoài lời trình bày ra chị T không đưa ra

được chứng cứ gì để chứng minh tuy nhiên chị T vẫn thừa nhận có nợ anh D số tiền là 54.560.000đồng, như vậy việc anh D khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền 54.560.000đồng là có căn cứ và phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy tại Tòa hôm nay anh D yêu cầu chị T trả số tiền 54.560.000đồng làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật, chị T cho rằng hoàn cảnh khó khăn và xin trả làm 03 lần trong thời gian 08 tháng. Xét lời trình bày của chị T là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này mà cần buộc chị T có nghĩa vụ trả cho anh D số tiền 54.560.000đồng trong một thời gian nhất định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 463, 466 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Văng Chí D .

1/ Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho anh Văn Chí D số tiền là 54.560.000đồng, thời gian thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu là 2.732.500đồng, hoàn lại cho anh D 1.365.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 26540 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày anh D yêu cầu thi hành án, nếu chị T chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tuyết Linh